**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LỘC NINH**
**TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Số: 17/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 23/5/2019
*V/v "Xin ly hôn"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Vũ Văn Thi**
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông **Nguyễn Văn Thành**
Bà **Trần Xuân Đạm**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Hồ Thị Oanh** – Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mai** - *Kiểm sát viên*

Ngày 23/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, về việc *"xin ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22A/2019/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1983 (Có mặt)
Địa chỉ: số 168, Ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước.

*Bị đơn:* Ông **Lê Ngọc T** – sinh năm: 1971 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 168, Ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2019 quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Ngọc T tự nguyện sống chung vào năm 1998 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại ấp A, xã T, huyện N. Vợ chồng sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường cãi nhau làm cho gia đình không còn hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể trở lại sống chung được nữa nên bà H xin ly hôn với ông T.

*Bị đơn ông Lê Ngọc T trình bày:*

Ông Lê Ngọc T và bà Nguyễn Thị H tự nguyện sống chung vào năm 1998, đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau khoảng hơn 01 năm. Vợ chồng sống hòa thuận trong thời gian đầu, sau đó do ông T hay nhậu nên vợ chồng thường cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H vì ông

còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 29/3/2000 và Lê Thành H2, sinh ngày 19/9/2005. Khi ly hôn cháu H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu H2 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi và hiện tại bà H không có thai với ông T.

Ý kiến của ông T nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì cháu H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu H2 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi .

Về tài sản: Trước khi kết hôn không bên nào có tài sản, tài sản chung hiện nay bà H và ông T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà H và ông T không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Do cháu H1 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết; còn cháu H2 có nguyện vọng sống với bà H nên giao cho bà H nuôi, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự  không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ:  Không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với ông Lê Ngọc T, vì vậy vụ án được được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà H và ông T có hộ khẩu và làm ăn sinh sống tại xã T, huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, được quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy thời gian chung sống giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Ngọc T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường cãi nhau làm cho gia đình không còn hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn đã 10 năm nay, bà đã làm đơn yêu cầu chính quyền giải quyết 3 lần, ông T đã hứa sửa chữa nhiều lần nhưng hiện nay ông T thường hay ăn nhậu về quậy vợ con, tại phiên toà bà H xác định không còn thương ông T nữa nên quyết định xin ly

hôn với ông T.

Ông T thừa nhận ông T hay nhậu, khi về nhà vợ chồng thường cãi nhau, tại phiên toà ông T hứa sửa chữa lỗi lầm để vợ chồng đoàn tụ, ông T không muốn ly hôn với bà H.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 06/5/2019, Ban điều hành ấp 5A, xã Lộc Tấn xác nhận tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T: Trước đây, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên bà H đã làm đơn yêu cầu Ban điều hành ấp giải quyết, hòa giải, sau đó vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Hội đồng xét xử nhận định, tại phiên toà bà H cương quyết xin được ly hôn với ông T, xét tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được:

Căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà H được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc H1, sinh ngày 29/3/2000 và Lê Thành H2, sinh ngày 19/9/2005. Khi ly hôn cháu H1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không giải quyết; còn cháu Lê Thành H2, bà H và ông T thống nhất cháu H2 có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi. Cháu Lê Thành H2 có nguyện vọng ở với bà H nên cần giao cháu Lê Thành H2, sinh ngày 19/9/2000 cho bà H nuôi. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ: Không có

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa áùn thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bà H phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa áùn.

+ Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Ngọc T.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thành H2 – sinh ngày: 19/9/2005 cho bà H nuôi, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

Về án phí: Bà H chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006463 ngày 28/02/2019.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Thi**

**Nơi nhận** :
*- TAND tỉnh Bình Phước*
*- VKS huyện Lộc Ninh*
*- Các đương sự.*
*- CCTHA DS huyện Lộc Ninh*
*- UBND xã Lộc Tấn, Lộc Ninh;*
*- Lưu hồ sơ vụ án*